

Số: 14/2024/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê Văn Mười M1**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Mười M1: Ông **Trần Hoàng P**, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp N, xã A, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2023).

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn Mười H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1960.

3. Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1966.

4. Ông **Lê Văn M2**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà **Trần Thị C1**, sinh năm 1964.

8. Anh **Lê Hoài T3**, sinh năm 1989.

9. Anh **Lê Thị Kim A1**, sinh năm 1992.

10. Anh **Lê Quốc A2**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

11. Bà **Lê Thị Bé C2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp G, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

12. Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận phần đất thửa 309, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.429,6m² (Theo đo đạc thực tế tách thửa 309-1 diện tích 2.309,5m², tờ bản đồ số 12 và tách thửa 309-2 diện tích 120,1m², tờ bản đồ số 12), tọa lạc ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn Mười M1 (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 23/8/2023).

Ông Lê Văn Mười M1 có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng số tiền 2.878.300đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng*) ông Lê Văn Mười M1 tự nguyện chịu toàn bộ nhưng ông Mười M1 đã nộp tạm ứng nên không phải nộp tiếp.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Mười M1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Mười M1 đã nộp theo Biên lai thu số 0003896 ngày 07/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô, còn lại 3.494.000đ (*Ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) trả lại cho ông Mười M1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga